

Số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12/6/2020

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn và
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Hồng Tâm**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Ba

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Yến** – Thư ký Tòa án huyện Phú Quốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020, về việc: “**Xin ly hôn và nuôi con chung**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp S M, xã D Tơ, huyện P Q, tỉnh K G.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 7, thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống vợ chồng từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A T, huyện P Q, tỉnh K G ngày 04/12/2008. Quá trình chung sống có với nhau 02 người con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/02/2008, Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với

nhau trong cuộc sống, thường hay cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc vì nghĩ đến các con ông H bà T đã cố hàn gắn tình cảm với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay ông H xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và ông còn tình thương với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Về con chung: Khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/02/2009 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con cùng ông, ông H đồng ý giao con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/02/2008 cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 19/5/2020 như sau: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp nhận và chung sống chồng vợ từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND TT. A T ngày 04/12/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, thường hay cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc vì nghĩ đến các con vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà thống nhất ly hôn với ông H.

Về con chung: Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/02/2008 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà T đồng ý giao con chung Nguyễn Thanh A, sinh ngày 15/02/2009 cho ông H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Con chung cháu Nguyễn Thanh H trình bày tại bản tự khai ngày 19/5/2020: Nguyện vọng của cháu H được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Con chung cháu Nguyễn Thanh A trình bày tại bản tự khai ngày 18/5/2020: Nguyên vọng của cháu A được tiếp tục sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị N T, cháu Nguyễn Thanh H, cháu Nguyễn Thanh A là đương sự trong vụ án, nhưng tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông H, bà T, cháu A, cháu H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Thái ngày 04/12/2008 là hôn nhân hợp pháp quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, ông H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T và bà T cũng thống nhất ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[3]. Về con chung: Ông H và bà T có với nhau hai người con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/02/2008 bà T nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), cháu Nguyễn Thanh A, sinh ngày 13/02/2009 ông H nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của H được sống cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và cháu A được sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 16/02/2008 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), giao con chung Nguyễn Thanh A, sinh ngày 13/02/2009 cho ông H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông H bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử miễn xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Thanh A cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông H bà T không yêu cầu, HĐXX miễn xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết ông H, bà T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0002525 ngày 26/02/2020, ông H không phải nộp thêm

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông H, bà N vắng mặt tại phiên Tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Hồng Tâm